

VX-350 Series

Máy bộ đàm cầm tay VHF/UHF

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

Máy bộ đàm đa dụng với hàng loạt tính năng hữu ích đi kèm

Dòng máy bộ đàm nhỏ gọn Vertex Standard VX-350 mang tới hàng loạt tính năng hữu ích và tùy chọn theo nhu cầu mà không làm phát sinh thêm chi phí đầu tư của bạn.

Tăng hiệu suất hoạt động và thời gian sử dụng pin

Pin sạc 2000 mAh Lithium-ion tiêu chuẩn của dòng máy VX-350 sẽ cung cấp thêm thời gian đàm thoại mang lại sự thuận tiện và năng suất cao hơn ... thậm chí ngay cả khi bạn tắt chức năng tiết kiệm pin trên máy.

Kích cỡ nhỏ gọn, dễ mang theo người

Kích cỡ nhỏ gọn lý tưởng cho những người sử dụng thường không thấy thoải mái khi phải mang theo máy vì giờ đây bộ đàm đã có thể được dễ dàng giấu kín khi cần thiết.

Khi phải tính đến độ an toàn

Dòng máy này bao gồm cả bộ cảnh báo khẩn cấp được thiết kế bên trong cho phép chuyển mạch sang một kênh định trước và gửi đi số ID của máy báo khẩn cấp với micro thu âm trực tiếp hiện trường. Đây thực sự là một lợi điểm khi người sử dụng máy phải làm việc đơn lẻ.

Ngăn ngừa sự sử dụng không hợp pháp

Nếu thất lạc hay bị mất, người sử dụng dòng máy VX-350 có thể nhanh chóng cấm máy từ xa bằng cách gửi lệnh Stun để khóa máy tạm thời hoặc lệnh Kill để cấm máy vĩnh viễn (sẽ cần phải mang máy về lập trình lại nếu muốn tái sử dụng).

Tích hợp dễ dàng với hệ thống MDC hiện có

Lắp thêm bo mạch tùy chọn VME-100 để máy VX-350 có thể tương thích với các máy còn lại trong hệ thống sử dụng thiết bị MDC-1200.

ARTS™ - Hệ thống Phát Đáp tự động cảnh báo cự ly liên lạc độc đáo

Chỉ duy nhất các máy bộ đàm của hãng Vertex Standard được thiết kế với khả năng nhận định việc máy của bạn và một trạm khác được trang bị ARTS™ có nằm trong cự ly liên lạc hay không. Nếu nằm ngoài cự ly trong khoảng thời gian từ 2 phút trở lên, máy bộ đàm sẽ báo không thu được tín hiệu và đồng thời phát tiếng bíp cảnh báo cho bạn. Trạm gốc khi đó có thể thông báo tình trạng với máy thành viên để người sử dụng di chuyển trở lại về trong cự ly liên lạc cho phép. Đây là một giải pháp tuyệt vời để đảm bảo các nhân sự của bạn luôn trong tầm phối hợp.



VX-354

VX-351

105 (C) x 58 (R) x 33 (D) mm

Sự khác biệt của Vertex Standard

Mục tiêu số một của chúng tôi là mang đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng bằng việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trên cả sự mong đợi của bạn. Bạn sẽ hoàn toàn tin tưởng vào Vertex Standard vì các sản phẩm bộ đàm của hãng được chế tạo để vận hành lâu bền và được thiết kế để mang lại nhiều tính năng giúp tăng hiệu quả hoàn vốn đầu tư của bạn.

Xin vui lòng tham khảo thông tin chi tiết từ Nhà Phân Phối

Các tính năng bổ sung

- Dung lượng 16 kênh
- Băng tần rộng
- 6 phím lập trình được (VX-354)
- 2 phím lập trình được (VX-351)
- Màn hiển thị 8 ký tự chữ & số (VX-354)
- Tiết kiệm pin ở chế độ RX/TX
- Hiển thị số gọi đến DTMF
- Hỗ trợ người sử dụng đơn lẻ
- Mã hóa và giải mã 2-Tone
- Mã hóa và giải mã CTCSS / DCS
- Bảo hiệu 5-Tone
- Whisper
- Quét ưu tiên
- Quét theo dõi kép
- Quét Follow-me
- Quét Talk Around
- Sao chép thông số cài đặt trực tiếp giữa các máy

Phụ kiện

- MH-360S: Microphone có loa nhỏ gọn
- MH-37A4B: Microphone nhét trong tai
- MH-450S: Microphone có loa
- MH-45B4B: Microphone có loa chống ồn
- VH-115S: Tai nghe quảng sau đầu với micro có cần
- VH-215S: Tai nghe quảng trên đầu với ống nghe đơn có đệm tai
- VC-25: Tai nghe quảng trên đầu có VOX
- VH-130S: Tai nghe nhét trong có micro với công tắc PTT 2 dây
- FNB-V96LI: Pin sạc 2000 mAh Li-Ion
- FNB-V95LI: Pin sạc 1800 mAh Li-Ion
- VAC-300: Bộ sạc nhanh để bàn
- DCM-1: Bộ đổi nguồn cắm tường cho sạc để bàn
- VCM-2: Bộ tiếp hợp lắp trên xe cho VAC-300
- VAC-6300: Bộ sạc nhanh 6 pin
- LCC-351/S: Bao da với bộ kẹp thắt lưng xoay được (VX-351)
- LCC-354/S: Bao da với bộ kẹp thắt lưng xoay được (VX-354)

Bo mạch tùy chọn

- FVP-25: Bảo mật thoại và nhấn tin DTMF
- FVP-35: Bộ bảo mật mã vòng
- FVP-36: Bộ bảo mật đảo mã thoại
- VME-100: Bộ mã hóa MDC-1200® / GE-STAR® ANI

Chỉ tiêu kỹ thuật của VX-350

	VHF	UHF
Chỉ tiêu kỹ thuật chung		
Dải tần số	134 – 174 MHz	400 - 470 MHz, 450 – 520 MHz
Số kênh	16	
Điện áp nguồn	7.4V DC ± 20%	
Khoảng cách kênh	12.5/20/25 kHz	
PLL Steps	1.25 / 2.5 / 5 / 6.25 kHz	5 / 6.25 kHz
Thời gian sử dụng pin (chu kỳ 5-5-90) với pin FNB-V96LI 2000mAh	15.5 giờ (13 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)	15 giờ (12.5 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)
Mức độ bảo vệ chống thâm nhập	IP 55	
Dải nhiệt độ vận hành	-30° C đến +60° C	
Độ ổn định tần số	±2.5 ppm	
Trở kháng RF Vào-Ra	50 Ohms	
Kích cỡ (Cao x Rộng x dày)	105 x 58 x 33 mm (với pin FNB-96LI)	
Trọng lượng (Xấp xỉ)	310g (với pin FNB-96LI, anten, kẹp thắt lưng)	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy thu: đo lường theo TIA/EIA-603		
Độ nhảy (12dB SINAD)	0.25 µV	
Độ chọn lọc kênh lân cận	65 / 60 dB	
Biến điệu tương hỗ	65 / 60 dB	
Loại trừ tín hiệu giả và tần số ảnh	65 dB	
Công suất âm thanh	500mW @ 4 ohms 5% THD	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy phát: đo lường theo TIA/EIA-603		
Công suất đầu ra	5 / 1 W	
Kiểu điều chế	16K0F3E, 11K0F3E	
Bức xạ tín hiệu giả truyền dẫn	65 dB dưới sóng mang	
Nhiều và tiếng rít FM	45 / 40 dB	
Độ méo âm tần	< 3 % @ 1kHz	

Các tiêu chuẩn quân sự áp dụng

Tiêu chuẩn	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810C	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810D	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810E	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810F
Áp suất thấp	500.1/Thủ tục I	500.2/Thủ tục I, II	500.3/Thủ tục I, II	500.4/Thủ tục I, II
Nhiệt độ cao	501.1/Thủ tục I	501.2/Thủ tục I, II	501.3/Thủ tục I, II	501.4/Thủ tục I, II
Nhiệt độ thấp	502.1/Thủ tục I	502.2/Thủ tục I	502.3/Thủ tục I, II	502.4/Thủ tục I, II
Đột biến nhiệt độ	503.1/Thủ tục I	503.2/Thủ tục I	503.3/Thủ tục I	503.4/Thủ tục I, II
Bức xạ mặt trời	505.1/Thủ tục I	505.2/Thủ tục I hạng A1	505.3/Thủ tục I hạng A1	505.4/Thủ tục I hạng A1
Mưa	506.1/Thủ tục I, II	506.2/Thủ tục I, II	506.3/Thủ tục I, II	506.4/Thủ tục I, III
Độ ẩm	507.1/Thủ tục I, II	507.2/Thủ tục II, III	507.3/Thủ tục II, III	507.4/Thủ tục I
Sương muối	509.1/Thủ tục I	509.2/Thủ tục I	509.3/Thủ tục I	509.4/Thủ tục I
Bụi	510.1/Thủ tục I	510.2/Thủ tục I	510.3/Thủ tục I	510.4/Thủ tục I, III
Rung xóc	514.2/Thủ tục X	514.3/Thủ tục I hạng 10	514.4/Thủ tục I hạng 10	514.4/Thủ tục I hạng 24
Va đập	516.2/Thủ tục I, II, V	516.3/Thủ tục I, IV	516.4/Thủ tục I, IV	516.5/Thủ tục I, V